TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29/5/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Hiếu
2. Bà Lê Thị Xuân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1983.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 24A (nay là tổ dân phố P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Huy T1, sinh năm 1978.
Nơi ĐKHKTT: Tổ 24A (nay là tổ dân phố P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.
(Hiện đang chấp hành án tại: Đội 05, Phân trại số 01, Trại giam H - Cục C10 - Bộ Công an – xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Chị T và anh Lê Huy T1 đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/3/2002 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên rượu chè rồi về đánh, chửi chị. Năm 2004 anh T1 bị đưa đi giáo dưỡng 02 năm về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", đến năm 2006 thì được về. Tưởng rằng anh T1 sẽ thay đổi, nhưng khi về

nhà anh vẫn tiếp tục đánh chửi, lăng mạ chị. Đến năm 2015 anh T1 bị nghiện ma tuý, chị và gia đình đã động viên, thuyết phục anh T1 bỏ ma tuý để làm lại cuộc đời, nhưng anh T1 không thay đổi. Tháng 5 năm 2018, anh T1 bị bắt, sau đó bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Huy T1.

* Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con, là cháu Lê Duy H, sinh ngày 12/10/2003 và cháu Lê Thị Hà H1, sinh ngày 20/01/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và cháu H1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Huy T1 vắng mặt, nhưng tại Bản tự khai ngày 04/5/2019, anh T1 trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng nhất trí.

* Về con chung: Anh T1 xác nhận có 02 con, như nội dung chị T đã trình bày là đúng. Anh đồng ý để chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là cháu H và cháu H1.

* Về chia tài sản, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền của đương sự đã được đảm bảo.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Lê Huy T1; về con chung, giao các cháu Lê Duy H và Lê Thị Hà H1 cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Lê Huy T1, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Lê Huy T1 có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 24A (nay là tổ dân phố P), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Huy T1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. *Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Lê Huy T1 ngày 19/3/2002 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên rượu chè rồi về đánh, chửi chị. Năm 2004 anh T1 bị đưa vào trường giáo dưỡng 02 năm về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", đến năm 2006 thì chấp hành xong. Sau khi về, anh T1 không thay đổi mà vẫn tiếp tục đánh chửi, lăng mạ chị. Năm 2018 anh T1 bị kết án tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam H – Bộ Công an. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Hai bên gia đình và hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, do anh T1 đang chấp hành án trong trại giam nên không thể triệu tập anh T1 đến Tòa án để hòa giải được. Mặt khác, trong Bản tự khai, anh T1 có nêu ý kiến, là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị T về việc được nuôi dưỡng cháu Lê Duy H và cháu Lê Thị Hà H1, cho đến khi đủ 18 tuổi. HĐXX thấy, từ tháng 5 năm 2018 cho đến thời điểm hiện tại, anh T1 bị kết án và đang phải cải tạo tại Trại giam H – Bộ Công an, trong khoảng thời gian đó, cháu H, cháu H1 được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 có ý kiến, nhất trí để chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu H1. Đồng thời, tại đơn nguyện vọng ngày 23/4/2019, cháu H cũng đề nghị được ở với chị T. Do đó, cần giao các cháu Lê Duy H và Lê Thị Hà H1 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Lê Huy T1.

2. Về nuôi con: Giao các cháu Lê Duy H, sinh ngày 12/10/2003; Lê Thị Hà H1, sinh ngày 20/01/2013 cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Huy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002240 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Hà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Huy T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND P N, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy